TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2021/HNGĐ- ST Ngày: 30/9/2021 "V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Mạnh Hùng.

2. Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Hữu C, sinh năm 1976.

3. Người làm chứng: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1973.

Đều đăng ký HKTT: khu dân cư C1, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị T, chị D có mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T và bị đơn là anh Hoàng Hữu C trình bày: chị T và anh C chung sống với nhau từ năm 2001 và đăng ký kết hôn ngày 05/4/2004 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C,

thành phố C), tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Theo chị T, vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Năm 2019, chị và anh C đã sống ly thân, không liên quan gì đến cuộc sống của nhau. Khoảng tháng 5 năm 2021, anh C có đánh và chửi mẹ đẻ của chị khiến chị không thể chấp nhận được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Anh C cũng thừa nhận vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa anh còn cho rằng chị T có biểu hiện không chung thủy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị đều xác định có 3 con chung là Hoàng Hữu T, sinh ngày 17/6/2001, Hoàng Ngọc D, sinh ngày 5/3/2006 và Hoàng Hữu T, sinh ngày 21/9/2013. Hiện cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Cả hai anh chị đều có đề nghị được nuôi cháu D, cháu T và không yêu cầu người kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện khu dân cư C1, phường C xác định anh C làm công nhân ở tỉnh Quảng Ninh ít khi về nhà. Thời gian từ khi chị T làm đơn xin ly hôn thì anh C không về nhà. Hiện bố mẹ anh C đều đã mất.

Chị Hoàng Thị D là chị gái của anh C xác định quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh C có mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Hiện nay chị T cùng các con đã chuyển ra ngoài sống. Anh C không ở nhà nên chị đã thông báo cho anh C biết về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Quan điểm của anh C là sẽ thu xếp công việc về nhà, nếu không về được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C cũng có đề nghị được nuôi cả hai con và trong thời gian anh đi làm xa không về thì sẽ nhờ chị trông nom, chăm sóc các con giúp. Nếu Tòa án giao con cho anh C nuôi dưỡng thì chị sẽ giúp đỡ anh C chăm sóc con cho đến khi anh C làm gần nhà.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Chị D xác định đã thông báo cho anh C về thời gian xét xử nhưng anh C không về được và chị sẽ nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc con thay anh C nếu anh C được Tòa án giao nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn anh Hoàng Hữu C.

Về con chung: Cháu Hoàng Hữu T, sinh ngày 17/6/2001 đã đủ tuổi trưởng thành và anh chị không yêu cầu giải quyết. Giao các con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 5/3/2006 và Hoàng Hữu T, sinh ngày 21/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Hoàng Hữu C có địa chỉ thường trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh C đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh C chung sống với nhau từ năm 2001, sau đó kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 5-4-2004 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau. Tình trạng này diễn ra trong một thời gian dài khiến cuộc sống vợ chồng rất nặng nề. Năm 2019, anh chị đã sống ly thân, anh đi làm xa ít khi về nhà nên vợ chồng không có điều kiện hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Khoảng tháng 5 năm 2021, anh C còn đánh và chửi mẹ đẻ của chị T khiến chị T không chịu đựng được nữa. Chị T xác định vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình

cảm nên đề nghị được ly hôn và anh C cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Hoàng Hữu T1, sinh ngày 17/6/2001, Hoàng Ngọc D, sinh ngày 5/3/2006 và Hoàng Hữu T2, sinh ngày 21/9/2013. Hiện cháu T1 đã đủ tuổi trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay cả hai cháu D và T2 đều đang ở với chị T. Cả hai anh chị đều có đề nghị được nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai của mình, cháu D và cháu T2 đều có nguyện vọng ở với chị T. Chị T hiện làm công nhân công ty TNHH Vitech TC với mức thu nhập hàng tháng là 12 triệu đồng, có chỗ ở ổn định. Từ trước đến nay, do anh C thường xuyên đi làm xa nhà nên việc chăm lo, nuôi dưỡng con đều do chị T đảm nhiệm. Anh C muốn nuôi con nhưng do điều kiện công việc không thường xuyên có mặt ở nhà nên sẽ không đảm bảo việc chăm lo cuộc sống và học tập cho các con. Vì vậy cần chấp nhận đề nghị của chị T để tiếp tục giao các con chung cho chị nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của chị, phù hợp với nguyện vọng của con chung theo quy định của pháp luật. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Hoàng Hữu C.

2. Về con chung: Giao các con chung là Hoàng Ngọc D, sinh ngày 5/3/2006 và Hoàng Hữu T2, sinh ngày 21/9/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002907 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C, TP C (số đăng ký: 29/2004);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hà